



## DANH MỤC THUỐC CUNG ỨNG TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN NĂM 2026 - 2027 LẦN 3

(Kèm theo Thông báo số 2689 /TB-BVĐKKH ngày 07 /5/2026 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa)

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)
1	Nhóm 1	Ginkor Fort	Cao ginkgo biloba + heptaminol clohydrat + troxerutin	14mg + 300mg + 300mg	uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Viên	10.000	3.730
2	Nhóm 1	Espumisan Capsules	Simethicone	40mg	uống	Viên nang mềm	Hộp 2 vỉ x 25 viên	CSSX: Catalent Germany Eberbach GmbH; CSĐG và xuất xưởng: Berlin Chemie AG	CSSX: Đức; CSĐG và xuất xưởng: Đức	Viên	30.000	879
3	Nhóm 1	Espumisan L	Simethicon	40mg/ml	uống	Nhũ dịch uống	Hộp 1 lọ 30ml có nắp nhỏ giọt	Berlin Chemie AG	Đức	Lọ	1.000	55.923
4	Nhóm 1	Fastum Gel	Ketoprofen	2,5g/100g gel 2,5% (w/w), 30g	dùng ngoài	Gel bôi ngoài da	1 tuýp 30g/ hộp	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l	ý	Tuýp	500	49.833
5	Nhóm 1	Cinnarizin Pharma	Cinnarizin	25mg	uống	Viên nén	Hộp 05 vỉ x 20 viên	Pharma PLC	Bulgaria	Viên	10.000	693
6	Nhóm 1	Effergalphan	Paracetamol	150mg	đặt	Thuốc đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên	UPSA SAS	Pháp	Viên	500	2.420
7	Nhóm 1	Medrol	Methylprednisolone	16mg	uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Viên	15.000	3.930
8	Nhóm 4	Grangel	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd + Simethicon	(600mg + 599,8mg + 60mg)/ 10 ml	uống	hỗn dịch uống	Hộp 20 gói 10ml	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Việt Nam	Gói	4.500	2.710

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)
9	Nhóm 5	Agimoti	Domperidon	1mg/ml; 30ml	uống	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai x 30 ml	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Chai/LỌ	750	4.100
10	Nhóm 4	Medoral	Chlorhexidine digluconate (dưới dạng dung dịch 20%)	0,2% (w/v) - Chai 250 ml	Súc miệng	Dung dịch dùng ngoài (nước súc miệng)	Hộp 1 chai x 250 ml	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Chai	500	90.000
11	Nhóm 4	Agi-Ery 500	Erythromycin (dưới dạng Erythromycin stearat)	500mg	uống	Viên nén dài bao phim	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	5.000	1.150
12	Nhóm 4	Aginfolix 5	Acid folic	5mg	uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	3.000	168
13	Nhóm 3	Agitro 500	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 3 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	15.000	2.450
14	Nhóm 5	Air-X 120	Simethicone	120mg	uống	Viên nén nhai	Hộp 10 vỉ x 10 viên	R.X. Manufacturing Co.,Ltd	Thái Lan	Viên	45.000	1.365
15	Nhóm 5	Air-X SF	Simethicon	40mg	uống	Viên nén nhai	Hộp 10 vỉ x 10 viên	R.X. Manufacturing Co.,Ltd	Thái Lan	Viên	30.000	777
16	Nhóm 4	Alzental	Albendazol	400mg	uống	viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 1 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Việt Nam	viên	15.000	1.512
17	Nhóm 2	Aspirin STELLA 81 mg	Acetylsalicylic acid	81mg	uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 2 vỉ x 28 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	50.000	350
18	Nhóm 4	Atisalbu	Salbutamol sulfat	2mg/5ml, 60ml	uống	Dung dịch uống	Hộp 1 chai 60 ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	chai	800	17.400

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)
19	Nhóm 3	Aumoxline 500	Amoxicilin	500mg	uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Việt Nam	Viên	70.000	1.365
20	Nhóm 4	Azenmarol 1	Acenocoumarol	1mg	uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	30.000	115
21	Nhóm 5	Trymo tablets	Bismuth trioxid (dưới dạng bismuth subcitrat dạng keo)	120mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 14 vỉ x 8 viên	Raptakos, Brett & Co., Ltd	Ấn Độ	Viên	20.000	2.771
22	Nhóm 4	Ifatrax	Itraconazol (dưới dạng vi hạt chứa Itraconazol 22% kl/kl)	100mg	uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 4 vỉ x 4 viên, 3 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	5.000	2.050
23	Nhóm 4	Povidone	Povidone iodine	10%/ 30 ml	dùng ngoài	DD dùng ngoài	Chai nhựa chứa 30ml	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Chai	2.000	4.950
24	Nhóm 4	Povidon iodine 10%	Povidon iodine	10%/90ml	dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Chai 90ml	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Việt Nam	Chai	12.000	9.545
25	Nhóm 4	Propranolol	Propranolol.HCl	40mg	uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	10.000	488
26	Nhóm 4	Propranolol	Propranolol hydroclorid	40mg	uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Enlie	Việt Nam	Viên	10.000	525
27	Nhóm 4	Propylthiou racil DWP 50mg	Propylthiouracil (PTU)	50mg	uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	viên	10.000	310

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)
28	Nhóm 4	Rectiofar	Glycerol	1,79 g/ 3ml	Thụt hậu môn/ trực tràng	Dung dịch bơm trực tràng	Hộp 50 túi x 1 ống bơm 3ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	Việt Nam	ống	5.000	2.158
29	Nhóm 5	Salbutamol 4mg	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	4mg	uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Việt Nam	Viên	20.000	499
30	Nhóm 3	SaVi Pantoprazole 40	Pantoprazole (dưới dạng Pantoprazole natri sesquihydrate)	40mg	uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	10.000	775
31	Nhóm 2	SaViAlben 400	Albendazol	400mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 1 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	10.000	3.130
32	Nhóm 2	Savispiro -Plus	Spironolacton + Furosemid	50mg + 20mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	15.000	939
33	Nhóm 2	Scanneuron	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 200mg + 200mcg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	40.000	1.200
34	Nhóm 4	Sulfaprim F	Sulfamethoxazol; Trimethoprim	800mg; 160mg	uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Viên	15.000	427
35	Nhóm 3	Tatanol Ultra	Acetaminophen + Tramadol hydrochloride	325mg + 37,5mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	30.000	2.100
36	Nhóm 1	Uprofen 400	Ibuprofen	400mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	5.000	2.350
37	Nhóm 4	Varogel	Magnesi hydroxyd+ nhôm hydroxyd+ simethicon	(800,4mg+ 611,76mg+ 80mg), /10ml	uống	hỗn dịch uống	Hộp 20 gói 10ml	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Việt Nam	gói	20.000	2.730
38	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Medochemie Ltd.- central Factory	Cyprus	Viên	15.000	7.266

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)
39	Nhóm 1	Pracetam 800	Piracetam	800mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 15 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	15.000	1.225
40	Nhóm 2	Stadovas 5 CAP	Amlodipin	5mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	30.000	760
41	Nhóm 1	Medoome 40mg Gastro-resistant capsules	Omeprazol	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet kháng acid dịch vị	Hộp 1 lọ 28 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	45.000	5.600
42	Nhóm 4	Kagasdine	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol pellet 8,5%)	20mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	5.000	129
43	Nhóm 1	pms-Pregabalin	Pregabalin	75mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Pharmascience Inc.	Canada	Viên	15.000	2.888
44	Nhóm 1	Tamisyt 500mg	Ciprofloxacin hydrochloride (tương đương ciprofloxacin 500mg) 583mg	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	Viên	20.000	1.945
45	Nhóm 1	ACC 200	Acetylcysteine	200mg	uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Hộp 20 gói; Hộp 50 gói; Hộp 100 gói	CSSX: Lindopharm GmbH CSXX: Salutas Pharma GmbH	ĐỨC	Gói	50.000	1.590
46	Nhóm 4	Bifacold	Acetylcysteine	200mg	uống	Thuốc cốm	Hộp 30 gói x 1g	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Gói	10.000	609

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)
47	Nhóm 3	Acyclovir Stella 800 mg	Acyclovir	800mg	Uống	viên nén	Hộp 10 vỉ x 5 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	10.000	4.000
48	Nhóm 1	Gaviscon Dual Action	Alginat natri + Natri bicarbonat + Canxi carbonat	(500mg + 213mg + 325mg)/10ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 24 gói x 10ml	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited	Anh	Gói	5.000	7.422
49	Nhóm 1	Gaviscon	Alginat natri+ Natri bicarbonat+ Canxi carbonat	(500mg + 267mg + 160mg)/10ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 24 gói x 10ml	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited	Anh	Gói	5.000	6.135
50	Nhóm 2	Statripsine	Alphachymotrypsin	4,2mg	Uống	Viên	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	100.000	1.100
51	Nhóm 4	Biosubtyl-II	Bacillus subtilis	10 <sup>7</sup> -10 <sup>8</sup> CFU/g	Uống	Thuốc bột	Hộp 25 gói x 1 gam	Công ty Cổ phần Vắcxin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Gói	30.000	2.000
52	Nhóm 1	Enterogerm ina	Bào tử kháng da kháng sinh Bacillus clausii	2 tỷ bào tử/ 5ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 02 vỉ x 10 ống x 05ml	Opella Healthcare Italy S.R.L.	Ý	Ống	70.000	7.220
53	Nhóm 4	Domitazol	Bột hạt Malva + Xanh methylen + Camphor monobromid	250mg+25mg+ 20mg	Uống	Viên nén bao đường	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế DOMESCO	Việt Nam	Viên	12.000	5.030
54	Nhóm 4	Brosuvon	Bromhexin hydroclorid	4mg/5ml, chai 50ml	Uống	siro	Hộp 1 chai 50ml	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	Chai	3.000	22.900
55	Nhóm 1	Bromhexin Actavis 8mg	Bromhexin hydroclorid	8mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 20 viên	Balkanpharma - Dupnitsa AD	Bulgaria	Viên	10.000	475
56	Nhóm 4	Compacin	Ciprofloxacin	250mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 3g; Hộp 14 gói x 3g; Hộp 20 gói x 3g	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Gói	5.000	4.900

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)
57	Nhóm 1	Ridlor	Clopidogrel	75mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Pharmathen S.A.	Greece	Viên	22.000	3.000
58	Nhóm 4	Atussin	Dextromethorphan, Chlorpheniramine, Sodium Citrate Dihydrate, Ammonium Chloride, Glyceryl Guaiacolate	(5mg, 1.33mg, 133mg, 50mg, 50mg)/5ml; 60ml	Uống	Sirô	Hộp 1 chai 60ml	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Chai	500	22.000
59	Nhóm 1	Smecta	Diosmectite	3g	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói (mỗi gói 3,76g); Hộp 12 gói (mỗi gói 3,76g); Hộp 30 gói (mỗi gói 3,76g)	Mayoly Industrie	Pháp	Gói	10.000	4.082
60	Nhóm 3	Erilcar 5	Enalapril	5mg	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty CP Pymepharco	Việt Nam	Viên	7.000	775
61	Nhóm 4	Heptaminol 187,8 mg	Heptaminol	187,8mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	Viên	1.000	1.080
62	Nhóm 1	Soliqua Solostar	Insulin glargine, Lixisenatide	100 đơn vị/ml, 50µg/ml	tiêm	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Hộp 3 bút tiêm × 3 ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Bút tiêm	600	490.000

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)
63	Nhóm 1	Nutryelt	Kẽm gluconat + Đồng gluconat + Mangan gluconat + Natri fluorid + Kali iodid + Natri selenit + Natri molybdat + Crom clorid + Sắt gluconat	(69700,00mcg + 2142,40mcg + 445,69mcg + 2099,50mcg + 170,06mcg + 153,32mcg + 42,93mcg + 30,45mcg + 7988,20mcg)/10ml	tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Hộp 10 ống x 10ml	Laboratoire Aguettant	Pháp	ống	12.000	58.000
64	Nhóm 1	Forlax	Macrogol	10g	Uống	Bột pha dung dịch uống	Hộp 20 gói	Mayoly Industrie	Pháp	Gói	4.000	5.119
65	Nhóm 2	Magnesi-B6 STELLA Tablet	Magnesi lactat dihydrat + Vitamin B6	470mg; 5mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	80.000	870
66	Nhóm 1	Dopegyt	Methyldopa	250mg	Uống	Viên	Viên nén bao phim	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	15.000	2.650
67	Nhóm 4	Kanausin	Metoclopramid hydroclorid	10mg	uống	Viên	Hộp 02 vi x 20 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	20.000	500
68	Nhóm 4	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9%/500ml	dùng ngoài	Dung dịch vô khuẩn dùng trong phẫu thuật	Thùng 20 Chai x 500ml dùng ngoài	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	10.000	6.000
69	Nhóm 2	Depakine 200mg/ml	Natri valproate	200mg/ml	Uống	Dung dịch thuốc uống	Hộp 1 chai 40ml và 1 xylanh có vạch chia liều để lấy thuốc	Cơ sở sản xuất và đóng gói: Sanofi Ilac Sanayi Ve Ticaret Anonim Sirketi; Cơ sở kiểm nghiệm và xuất xưởng: Sanofi Winthrop Industrie	Nước sản xuất và đóng gói: Thổ Nhĩ Kỳ; Nước kiểm nghiệm và xuất xưởng: Pháp	Chai	500	80.696

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)
70	Nhóm 1	Sodium Valproate Aguetant 400mg/4ml	Natri valproate	400mg/4ml	tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 4ml	Laboratoire Aguetant	Pháp	ống	50	77.700
71	Nhóm 4	Nước oxy già 3%	Nước oxy già	(3%), mỗi 20ml chứa 1,2g, chai 60ml	Dùng ngoài	thuốc dùng ngoài	Chai 60ml	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Chai	1.000	2.100
72	Nhóm 2	Damipid	Rebamipide	100 mg	uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	10.000	1.040
73	Nhóm 1	Cernevit	Acid Ascorbic + Cocarboxylase tetrahydrate tương đương Thiamine + Cyanocobalamine + Cholecalciferol + D-Biotin + Dexpanthenol tương đương Pantothenic acid + DL alpha-tocopherol tương đương alpha-tocopherol + Folic acid + Retinol palmitate tương đương Retinol + Riboflavin dihydrate sodium phosphate tương đương Riboflavin + Pyridoxine hydrochloride tương đương Pyridoxin + Nicotinamide	125mg + 5,8mg (tương đương 3,51mg) + 0,006mg + 220 IU + 0,069mg + 16,15mg (tương đương 17,25mg) + 10,2mg (tương đương 11,2 IU) + 0,414mg + 3500 IU + 5,67mg (tương đương 4,14mg) + 5,5mg (tương đương 4,53mg) + 46mg	tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	Fareva Pau; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Baxter S.A.	Pháp; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Bỉ	Lọ	8.000	141.309

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)
74	Nhóm 2	Xaravix 15	Rivaroxaban	15mg	uống	Viên	hộp 1 vỉ x 14 viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	2.000	9.560
75	Nhóm 2	Lamedxan 20	Rivaroxaban	20mg	uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Fremed	Việt Nam	Viên	500	2.181
76	Nhóm 4	Rotundin 60	Rotundin	60mg	uống	Viên	Chai 1000 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	10.000	600
77	Nhóm 4	VENRUTINE	Rutin + Vitamin C	500mg + 100mg	uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	Viên	20.000	3.150
78	Nhóm 2	Uperio 50mg	Sacubitril + valsartan	24,3mg và 25,7mg (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri 56,551mg)	uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Novartis Farma SpA	Ý	Viên	3.000	20.000
79	Nhóm 2	Uperio 100mg	Sacubitril +valsartan	48,6mg và 51,4mg (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri 113,103mg)	uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Novartis Farma SpA	Ý	Viên	15.000	20.000
80	Nhóm 4	Silymarin 70mg	Silymarin	70 mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Viên	10.000	590
81	Nhóm 1	Silygamma	Silymarin	150mg	uống	Viên bao đường	Hộp 4 vỉ x 25 viên	Dragenopharm Apotheker Püschl GmbH	Đức	Viên	60.000	4.935
82	Nhóm 4	Ebysta	Sodium alginate; Calcium carbonate; Sodium bicarbonate	(500mg; 160mg; 267mg)/10ml	uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 10ml	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Gói	20.000	4.000
83	Nhóm 1	Rodogyl	Spiramycin+metronidazol	750.000IU+ 125mg	uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Sanofi S.R.L	Italy	Viên	15.000	9.030

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)
84	Nhóm 1	Spirovell	Spironolacton	50mg	uống	Viên nén	Hộp 1 lọ 100 viên	Orion Corporation/ Orion Pharma (Cơ sở chịu trách nhiệm xuất xưởng: Orion Corporation/ Orion Pharma)	Phần Lan	Viên	1.000	4.934
85	Nhóm 1	Verospiron 25mg	Spironolacton	25 mg	uống	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 20 viên	Gedeon Richter Plc	Hungary	Viên	7.000	3.125
86	Nhóm 4	Terpincold	Terpin hydrat + Codein phosphat	100mg + 15mg	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	15.000	614
87	Nhóm 4	Terpin codein 10	Terpin hydrat + Codein phosphat	100mg + 10mg	Uống	Viên	Hộp 8 vỉ x 10 viên	CTCP Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Viên	10.000	780
88	Nhóm 1	Mydocalm 150	Tolperison hydrochlorid	150 mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Gedeon Richter Plc.	Hungary	Viên	30.000	3.400
89	Nhóm 5	Transamin Capsules 250mg	Tranexamic acid	250 mg	uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Olic (Thailand) Limited	Thailand	Viên	2.000	2.200
90	Nhóm 1	Transamin Tablets	Tranexamic acid	500 mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Olic (Thailand) Limited.	Thailand	Viên	3.000	3.850
91	Nhóm 2	Newbutin SR	Trimebutin	300mg	uống	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Korea United Pharm. Inc	Hàn Quốc	Viên	6.000	6.572
92	Nhóm 1	Trelegy Ellipta	Umeclidinium + vilanterol + Fluticasone Furoate	62,5mcg + 25 mcg + 100mcg	Hít qua miệng	Thuốc bột hít phân liều	Hộp có 1 dụng cụ hít chứa 30 liều hít	Glaxo Operations UK Ltd (trading as Glaxo Wellcome Operations)	Anh	hộp	90	1.068.900
93	Nhóm 4	Agirenyl	Vitamin A	5.000IU	uống	Viên nang	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	7.000	230
94	Nhóm 4	Ceelin	Vitamin C 100mg/5ml	100mg/5ml, 120ml	uống	Sirô	Hộp 1 chai 120ml	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Chai	2.000	44.000

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)
95	Nhóm 4	Dung dịch Milian	Xanh metylen, Tím Gentian	400mg, 50mg	dùng ngoài	Thuốc nước dùng ngoài	Hộp 1 chai 20ml	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	chai	200	10.500
96	Nhóm 1	Junimin	Zinc gluconat; Đồng gluconat; Mangan gluconat; Kali iodid; Natri selenit	(6970mcg + 1428mcg + 40,52mcg + 13,08mcg + 43,81mcg)/10ml	tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để tiêm truyền sau khi pha loãng	Hộp 10 ống x 10ml	Laboratoire Aguettant	Pháp	ống	600	162.750
97	Nhóm 1	SEVMEG	Sevelamer carbonate	800mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ x 60 viên	Synthon Hispania, SL	Spain	Viên	10.000	40.000
98	Nhóm 2	AVARINO	Simethicone + Alverine citrate	300mg + 60mg	Uống	Viên nang	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thailand	Viên	5.000	2.500
99	Nhóm 1	Mirena	Levonorgestrel	52mg	Đặt tử cung	Hệ phóng thích thuốc qua dụng cụ đặt tử cung	Hộp 1 hệ phóng thích thuốc qua dụng cụ đặt tử cung	Bayer OY	Phần Lan	Hộp 01 Hệ phóng thích thuốc đưa qua dụng cụ đặt tử cung	100	2.667.885
100	Nhóm 1	Pentasa	Mesalazine	500mg	Uống	Viên nén phóng thích chậm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Ferring International Center SA	Thụy Sĩ	Viên	10.000	11.874
101	Nhóm 2	Stefamlor 5/10	Amlodipin +Atorvastatin	5mg, 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	5.000	3.900
102	Nhóm 1	Bluti 80	Febuxostat	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Bluepharma - Indústria Farmacêutica, S.A. (Fab. Coimbra)	Portugal	Viên	10.000	23.450

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)
103	Nhóm 2	Febumac 80	Febuxostat	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Macleods Pharmaceuticals Limited	India	Viên	5.000	13.500
104	Nhóm 1	Lostad T50	Losartan kali	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	10.000	1.321
105	Nhóm 4	Predva	Prednisolon	5mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Việt Nam	Viên	30.000	825
106	Nhóm 4	Soluboston 20	Prednisolon (dưới dạng prednisolon natri metasulfobenzoat)	20mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Viên	20.000	1.974
107	Nhóm 2	ENAT 400	Vitamin E	400UI	Uống	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thailand	Viên	10.000	3.776
108	Nhóm 1	Fugacar	Mebendazole	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 01 vỉ x 01 viên	Lusomedicamenta Sociedade Técnica Farmacêutica, S.A.	Portugal	Viên	10.000	22.000
109	Nhóm 2	Negacef 500	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	20.000	6.447
110	Nhóm 1	Myonal 50 mg	Eperison hydroclorid	50 mg	Uống	Viên nén bao đường	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao đường	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	Nhật Bản	Viên	35.000	3.416
111	Nhóm 4	Enervon	Vitamin C; Vitamin B1; Riboflavin; Niacinamide; Pyridoxin hydroclorid; Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	500mg; 50mg; 20mg; 50mg; 5mg; 5mcg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Viên	25.000	2.410
112	Nhóm 1	Motilium	Domperidone	1mg/ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 100ml	Janssen Pharmaceutica NV	Bi	Chai	20.000	71.820
113	Nhóm 1	Methycobal 500mcg	Mecobalamin	500mcg	Uống	Viên nén bao đường	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	Nhật	Viên	15.000	3.507

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)
114	Nhóm 4	Decolgen ND	Paracetamol + Phenylephrin HCl	500mg + 10mg	Uống	Viên nén	Hộp 25 vỉ x 4 viên	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Viên	20.000	1.192
115	Nhóm 5	Zytee - RB	Cholin salicylat, Clorua Benzalkonium	9%/0,02%	Bôi miệng	Gel bôi miệng tại chỗ	ống tuýp 10ml	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	Án Độ	tuýp	200	28.980
116	Nhóm 4	Gelactive	Magnesi hydroxyd+ nhôm hydroxyd	(400mg+300mg)/ 10ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 10ml	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	Gói	10.000	2.394
117	Nhóm 4	Obimin	Calcium pantothenate + Calicum lactate pentahydrate + Đồng (dưới dạng Đồng sulfat) + Ferrous fumarate + Folic acid + Iod (dưới dạng Kali iodid) + Niacinamide + Vitamin A + Vitamin B1 + Vitamin B12 + Vitamin B2 + Vitamin B6 + Vitamin C + Vitamin D	7,5mg + 250mg + 100µg (mcg) + 90mg + 1mg + 100µg (mcg) + 20mg + 3000 USP unit + 10mg + 4µg (mcg) + 2,5mg + 15mg + 100mg + 400 USP unit	Uống	Viên bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Viên	5.000	2.358
118	BDG	Medrol	Methylprednisolone	4mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Viên	9.000	1.105
119	BDG	Sanlein 0.1	Natri hyaluronat tinh khiết	5mg/5ml	nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật	Lọ	1.000	68.250
120	BDG	Zitromax	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	200mg/5ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp, 1 lọ 600mg/ 15ml	Haupt Pharma Latina S.r.l	Italy	Chai	800	123.000

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)
121	BDG	Natrilix SR	Indapamide	1,5mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	3.000	3.590
122	BDG	Betaserc 16mg	Betahistin dihydrochlorid	16 mg	uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 20 viên	Mylan Laboratories S.A.S	Pháp	Viên	24.000	3.741
123	BDG	Betaserc 24mg	Betahistin dihydrochlorid	24 mg	uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Mylan Laboratories S.A.S	Pháp	Viên	50.000	6.516

**Tổng cộng: 123 mặt hàng**